

Bản án số: **159/2024/DS-ST**  
Ngày 18-9-2024  
*V/v tranh chấp hợp đồng chuyển  
nhượng quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Lụa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hữu Hiệp

Bà Lê Thị Quyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Yên Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Tuyết Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Anh P, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ nhận văn bản: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

**- Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1978.

2. Bà Diệp Thị C, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1978 (vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Mộng T, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

2. Ủy ban nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Anh P là ông Nguyễn Đăng H trình bày:

Bà P có một phần đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BU 146190, phần đất tọa lạc tại ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Hiện nay thửa đất có số 701, tờ bản đồ số 11, diện tích 679m<sup>2</sup>, phần đất hiện nay do bà P quản lý và sử dụng đất (trước đây cho đến bây giờ). Năm 2014, bà P có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thị C, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được UBND xã K chứng thực tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số chứng thực 44, tuy nhiên ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thị C không trả tiền cho bà P đồng nào, (hiện bà P đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc). Mà ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thị C thỏa thuận lén lút với bà Nguyễn Mộng T, trước đây bà Nguyễn Mộng T nợ ông D và bà C 165.000.000 đồng. Nên ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thị C thỏa thuận lén lút với bà Nguyễn Mộng T là khi giao dịch: ông D, bà C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (mua đất) của bà P là xong. Ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thị C không trả tiền mua đất cho bà P mà ông D và bà C cho rằng bà T phải trả tiền mua đất cho bà P. Tức là ông D và bà C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà P chỉ là giả tạo là để trừ món nợ bà Nguyễn Mộng T nợ ông D và bà C 165.000.000 đồng. Ông D và bà C không trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (mua đất) cho bà P. Theo quy định tại điều 129 của bộ luật dân sự năm 2005: “Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch khác thì giao dịch giả tạo vô hiệu, còn giao dịch bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này”. Do đó giao dịch mà ông D và bà C giả tạo nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (mua đất) của bà P là giả tạo để che giấu một giao dịch khác là bà T nợ tiền ông D và bà C là 165.000.000 đồng. Thì giao dịch giả tạo của ông D và bà C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà P là vô hiệu. Ngoài ra, giao dịch dân sự ông D và bà C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà P là vi phạm điều 128 Bộ luật dân sự 2005 quy định: “Giao dịch dân sự có mục đích và nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu”. Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên giao dịch mà ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thị C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả tạo với bà P vô hiệu, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 146549 tên ông Nguyễn Minh D, bà Diệp Thị C, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà P. Theo khoản 2, điều 137 của bộ luật dân sự 2005 quy định: “Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận”. Ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thị C không trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đồng nào cho bà P, bà P không nhận của ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thị C đồng nào. Xét xử ông Nguyễn Minh D và bà Diệp C vi phạm điều cấm, trái đạo đức xã hội tuyên giao dịch ông Nguyễn Minh D, bà Diệp Thị C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà P vô hiệu theo điều 128 của Bộ luật dân sự 2005 quy định “giao



dịch dân sự có mục đích và nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu”.

*Tại phiên toà:* Ông H cho rằng không có việc bà T nhận chuyển nhượng từ bà P sau đó bà T mới chuyển nhượng lại cho ông D, bà C và khẳng định bà P không có chuyển nhượng cho bà T phần đất nào. Bà P chỉ chuyển nhượng đất với ông Nguyễn Minh D, bà Diệp Thị C và đã được Ủy ban nhân dân xã K chứng thực vào ngày 11/8/2014 và ông xác định hợp đồng này có hiệu lực, việc ký hợp đồng là do bà P tự nguyện không ai ép buộc. Việc bà T với ông D thoả thuận lén lút với nhau bà P không biết, tới khi nhận giấy chứng nhận bà P cũng không biết, việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng giữa bà P với ông D chỉ là giải tạo để che giấu khoản nợ bà T thiếu ông D, bà C 165.000.000 đồng, khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông D, bà T nói bà là vợ của ông D để ông D đứng tên nên bà P đồng ý nên giao dịch mà ông D, bà C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà P là giả tạo theo quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2005, do đó ông yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà P với ông D, bà C được Ủy ban nhân dân xã K chứng thực ngày 11/8/2014 là vô hiệu. Yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 146549 tên ông Nguyễn Minh D, bà Diệp Thị C. Ông thống nhất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2024 của Toà án nhân dân huyện U Minh và kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật công nghệ quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh C.

- *Quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Minh D trình bày:*

Trước đây giữa bà T mua đất của bà P, sau này bà T kêu bán lại cho ông và ông Lê Tấn H1, khi đến Ủy ban nhân dân xã K, huyện U làm giấy tờ chuyển nhượng người làm giấy là bà T và bà P, quá trình tiền bạc của bà T và bà P như thế nào ông không nắm, bà P nói mua bán với ai thì trả tiền người đó nên ông đã trả tiền cho bà T, không trả tiền cho bà P, bà P cũng kêu ông trả tiền cho bà T, ông đã trả tiền cho bà T và đã làm xong thủ tục chuyển nhượng nhưng vẫn chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm sang nhượng đất cho vợ chồng ông thì bà T nói phần đất bà T chuyển nhượng của bà P nên các bên thoả thuận là làm hợp đồng chuyển nhượng từ bà P chuyển nhượng cho vợ chồng ông luôn, không phải qua thủ tục bà P chuyển nhượng cho bà T rồi bà T lại phải chuyển nhượng cho ông. Do đó, khi làm hợp đồng chuyển nhượng chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã K thì có mặt của bà P, bà T và ông. Giữa ông và bà P ký kết hợp đồng chuyển nhượng và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện U. Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông cho rằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên đã rõ ràng không có sự lén lút, đã thực hiện đúng trình tự thủ tục từ cấp xã đến huyện và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà P đang giữ nên ông yêu cầu bà P trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

- *Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Mộng T trình bày:*

Trước đây bà có nhận chuyển nhượng đất của bà Huỳnh Anh P, đồng thời bà còn nợ tiền của ông Nguyễn Minh D nên bà chuyển nhượng lại phần đất bà đã



chuyển nhượng của bà P cho ông D nhưng khi làm thủ tục chuyển nhượng đăng ký kê khai giấy chứng nhận quyền sử dụng thì để tên của vợ chồng ông D và bà P trong hợp đồng chuyển nhượng. Bà P đã thực hiện thủ tục và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho vợ chồng ông D, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D và bà C do bà P tự thực hiện và đã được UBND huyện xem xét và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 146459 thuộc thửa số 701, tờ bản đồ số 11, diện tích 679 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau ngày 30-9-2014. Hiện nay bà chỉ còn nợ lại bà P khoảng 60.000.000 đồng tiền chuyển nhượng nhưng bà liên hệ bà P nhiều lần để trả số tiền này để bà P giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D thì không liên hệ được.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến ngày đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử; các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 166, Điều 167 luật Đất đai, các Điều 117, 122, 129, 131, 688 Bộ Luật dân sự: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Anh P về việc yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà P với ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thị C là vô hiệu và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 146549 của ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thị C; Án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của bà P được xác định là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án.

Ông D, bà C, bà T và Ủy ban nhân dân huyện U vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung:

Theo kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật công nghệ quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh C thể hiện phần đất tranh chấp được cấp giấy chứng nhận của ông Nguyễn Minh D có tứ cận gồm: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T1 cạnh dài M2, M3 (trừ đất bảo lưu ven sông B mét và đất kinh sáng mới 13 mét) là 97 mét; Phía Tây giáp đất ông Lê Tấn H1 cạnh dài M1, M4 (trừ đất bảo lưu ven sông B mét và đất kinh sáng mới 13 mét) là 97 mét; Phía Nam giáp lộ xe Khánh Hội – U Minh dài 7.0 mét; Phía Bắc giáp sông K dài 7.0 mét có tổng diện tích 679 m<sup>2</sup> tại ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (có sơ đồ bảng vẽ kèm theo).



Xét Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà P với ông D, bà C là có thật điều này đã được các bên đương sự thừa nhận. Ông H cho rằng về pháp lý không có việc bà T nhận chuyển nhượng đất từ bà P sau đó bà T mới chuyển nhượng lại cho ông D, bà C và khẳng định bà P không có chuyển nhượng cho bà T phần đất nào. Ông D nhận chuyển nhượng đất của bà P nhưng không trả tiền cho bà P mà nói là thoả thuận trả qua bà T nhưng bà P không biết nên sự thoả thuận của bà T và ông D là lén lút, giải tạo nên yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà P với ông D, bà C và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 146459 do ông D, bà C đứng tên. Ông D thì cho rằng trước đây bà T nhận chuyển nhượng từ bà P sau đó bà T mới chuyển nhượng lại cho ông nhưng khi làm hợp đồng tại xã thì thoả thuận sang tên từ bà P qua cho ông luôn và ông đã trả tiền cho bà T xong nên ông không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thấy rằng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên đã được thực hiện, bà P đã làm thủ tục đăng ký kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, bà C và đã được UBND huyện xem xét, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 146459 thuộc thửa số 701, tờ bản đồ số 11, diện tích 679 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau ngày 30-9-2014 là phù hợp với quy định Luật đất đai năm 2013. Ông H xác định không có việc bà P chuyển nhượng đất cho bà T về mặt pháp lý nhưng việc bà T có nhận chuyển nhượng đất của bà P là thực tế có xảy ra. Điều này thể hiện ở việc bà P trước đây đã khởi kiện bà T về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tuy vụ án sau đó thì đình chỉ giải quyết vụ án nhưng lúc ban đầu vẫn là ý chí của bà P xác định có việc chuyển nhượng với bà T nên mới phát sinh tranh chấp. Tại biên bản làm việc bà Nguyễn Mộng T trình bày có nhận chuyển nhượng đất của bà Huỳnh Anh P, đồng thời còn bà nợ tiền của ông Nguyễn Minh D nên bà chuyển nhượng lại phần đất bà đã chuyển nhượng của bà P cho ông D nhưng khi làm thủ tục chuyển nhượng đăng ký kê khai giấy chứng nhận quyền sử dụng thì để tên của vợ chồng ông D và bà P trong hợp đồng chuyển nhượng điều này phù hợp với lời trình bày của ông D. Mặt khác tại Công văn số 27/CV-UBND, ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã K xác định cùng thời điểm trên bà Huỳnh Anh P còn chuyển nhượng cho các ông Nguyễn Duy K, ông Lê Tấn H1, ông Nguyễn Chí B. Ông H cho rằng bà P không biết sự việc thoả thuận giữa bà T với ông D về việc trả tiền thì tại sao bà P lại đồng ý ký hợp đồng chuyển nhượng với ông D để làm thủ tục sang tên cho ông D, ngoài lời trình bày của bà P, ông H thì ông không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của ông nên xét thấy không có sự lén lút giả tạo trong việc ký hợp đồng chuyển nhượng giữa bà P với ông D nên lời trình bày của bà P, ông H là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nhận chuyển nhượng mặc dù diện tích đất đã chuyển nhượng lại cho người thứ ba nhưng bà P không yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án. Trường hợp phát sinh tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.



Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **D**, bà **C**, bà **P** xác định hiện nay bà đang giữ nên cần buộc bà **P** có nghĩa vụ giao lại cho ông **D**, bà **C**.

[4] Viện kiểm sát đề nghị về việc không chấp nhận yêu cầu của bà **P** là có căn cứ.

[5] Về chi phí đo đạc, thẩm định: Chi phí đo đạc với số tiền 3.287.000 đồng và chi phí thẩm định, định giá 4.200.000 đồng, do yêu cầu của bà **P** không được chấp nhận nên chi phí này bà **P** tự chịu, bà **P** đã nộp xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của bà **P** không được chấp nhận nên phải chịu án phí là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147; Điều 157; khoản 1, khoản 2 Điều 227 và Điều 165; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 166, Điều 167 và 203 Luật đất đai; Áp dụng các Điều 117, Điều 122, Điều 129, Điều 131, Điều 688 Bộ Luật dân sự; điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Huỳnh Anh P** về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà **P** với ông **D**, bà **C** là vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 146459 thuộc thửa số 701, tờ bản đồ số 11, diện tích 679 m<sup>2</sup> tọa lạc tại **ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau** ngày 30-9-2014 đứng tên **Nguyễn Minh D** và **Điệp Thị C**.

- Ông **Nguyễn Minh D** và bà **Điệp Thị C** được tiếp tục sử dụng diện tích 679 m<sup>2</sup> tọa lạc tại **ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 146459 thuộc thửa số 701, tờ bản đồ số 11 ngày 30-9-2014 của **Ủy ban nhân dân huyện U**, tỉnh Cà Mau, có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông giáp đất ông **Nguyễn Văn T1** cạnh dài M2, M3 (trừ đất bảo lưu ven **sông B** mét và kinh sáng mới 13 mét) là 97 mét;

+ Phía Tây giáp đất ông **Lê Tấn H1** cạnh dài M1, M4 (trừ đất bảo lưu ven **sông B** mét và kinh sáng mới 13 mét) là 97 mét;

+ Phía Nam giáp lộ xe Khánh Hội – U Minh dài 7.0 mét;

+ Phía Bắc giáp **sông K** dài 7.0 mét

*(Kèm theo sơ đồ vị trí thửa đất).*

Bà **Huỳnh Anh P** có nghĩa vụ giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 146459 thuộc thửa số 701, tờ bản đồ số 11 ngày 30-9-2014 của **Ủy ban nhân dân huyện U**, tỉnh Cà Mau cho ông **Nguyễn Minh D** và bà **Điệp Thị C**.

2. Về chi phí tố tụng: Bà **Huỳnh Anh P** đã nộp chi phí đo đạc với số tiền 3.287.000 đồng và chi phí thẩm định, định giá với số tiền 4.200.000 đồng, bà **P** tự chịu, (bà **P** đã nộp xong).



3. Về án phí: Bà **Huỳnh Anh P1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Ngày 13 tháng 01 năm 2023 bà **Huỳnh Anh P1** đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0010916 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Lụa**